

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/DS-ST
Ngày 06-3-2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giáp.

Ông Võ Thành Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2022/TLST- DS, ngày 09 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng T.**

Địa chỉ: Số , T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Lưu Đức T** – Phó phụ trách Phòng Giao dịch T - Ngân hàng T - Chi nhánh Sóc Trăng; Địa chỉ: Số , thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 13/01/2023) (có mặt).

- Bị đơn: Bà **Hồ Thị Đ**, sinh năm: 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 5 năm 2022 và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lưu Đức T trình bày:

Bà Hồ Thị Đ đã đến Ngân hàng T – Chi nhánh Sóc Trăng – Phòng giao dịch T lập các hợp đồng vay vốn như sau:

1/ Hợp đồng cho vay số 50297/2019-HĐCV/NHCT822 ngày 30/5/2019, số tiền vay: 730.000.000 đồng (bảy trăm ba mươi triệu đồng). Trong thời gian vay vốn, khách hàng đã thanh toán tổng số tiền tính đến hết ngày 18/5/2022 là 513.127.785 đồng (trong đó vốn gốc: 371.600.000 đồng, lãi 141.527.785 đồng). Mục đích vay vốn: Thanh toán chi phí mua xe ô tô tải để vận chuyển thuê hàng hóa; phương thức cho vay: Từng lần; thời hạn cho vay là 60 tháng, trả gốc và lãi hàng tháng vào ngày hai mươi tám tây hàng tháng (cụ thể: 59 kỳ đầu trả gốc 12.200.000 đồng, kỳ cuối trả 10.200.000 đồng, ngày trả nợ đầu tiên: 05/7/2019, ngày trả nợ cuối cùng 30/5/2024), với lãi suất cho vay trên giấy nhận nợ ngày 30/5/2019 là 10,5%/năm.

2/ Hợp đồng cho vay số 16763/2019-HĐCV/NHCT822 ngày 17/5/2019, với số tiền vay 668.000.000 đồng (sáu trăm sáu mươi tám triệu đồng). Trong thời gian vay vốn, khách hàng đã thanh toán tổng số tiền tính đến hết ngày 18/5/2022 là 518.740.018 đồng (trong đó vốn gốc 389.800.000 đồng, lãi 128.940.018). Mục đích vay vốn: Thanh toán chi phí mua xe ô tô tải để vận chuyển thuê hàng hóa; phương thức cho vay: Từng lần, thời hạn cho vay là 60 tháng, trả gốc và lãi hàng tháng vào ngày hai mươi tám tây hàng tháng (cụ thể: 59 kỳ đầu trả gốc 11.200.000 đồng, kỳ cuối trả 7.200.000 đồng, ngày trả nợ đầu tiên: 05/6/2019, ngày trả nợ cuối cùng 17/5/2024, với lãi suất cho vay trên giấy nhận nợ ngày 17/5/2019 là 10,5%/năm.

Tài sản bảo lãnh của người có nghĩa vụ liên quan:

* Đối với Hợp đồng cho vay số 50297/2019-HĐCV/NHCT822 ngày 30/5/2019:

- Theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 60/2019/HĐBĐ/NHCT822 ngày 30/5/2019, bà Hồ Thị Đ đã dùng tài sản của bà là xe ô tô tải nhãn hiệu VINHPHAT, số loại: FN129/MB, loại xe: Tải đông lạnh, màu sơn: Trắng, biển số: 83C-075.44, số máy: 4HK1TCA31893, số khung: CSDEHAB00240, số chỗ ngồi: 03, tải trọng hàng hóa: 7.700 kg.

- Giấy tờ sở hữu quyền sử dụng tài sản: 01 bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013432 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 27/5/2019 để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của bà Hồ Thị Đ.

* Đối với hợp đồng cho vay số 16763/2019-HĐCV/NHCT822 ngày 17/5/2019:

- Theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 49/2019/HĐBĐ/NHCT822 ngày 17/5/2019, bà Hồ Thị Đ đã dùng tài sản của bà là xe ô tô tải nhãn hiệu VINHPHAT, số loại: FN129, loại xe: Ô tô tải, màu sơn: Trắng, biển số: 83C-

073.29; số máy: 4HK1TCA31847; số khung: CCDEHAB00104, số chỗ ngồi: 03, tải trọng hàng hóa: 7.800 kg.

- Giấy tờ sở hữu quyền sử dụng tài sản: 01 bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013253 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 09/5/2019 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bà Hồ Thị Đ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay bà Hồ Thị Đ đã không thanh toán nợ vay gốc và lãi đúng theo thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần gửi thư mời làm việc và cử cán bộ trực tiếp đến gặp bà Hồ Thị Đ để đôn đốc việc thực hiện hợp đồng nhưng đến nay nợ vay (nợ gốc và lãi vay) đã quá hạn mà bà Hồ Thị Đ vẫn chưa thanh toán.

Bà Hồ Thị Đ nợ số tiền vay gốc, lãi và lãi phạt với số tiền tạm tính đến ngày 06/3/2023 như sau:

Đối với Hợp đồng cho vay số 50297/2019-HĐCV/NHCT822 ngày 30/5/2019 là: Nợ gốc: 358.400.000 đồng; nợ lãi quá hạn: 56.747.389 đồng; nợ lãi phạt quá hạn: 5.930.262 đồng. Tổng gốc và lãi còn nợ là: 421.077.651 đồng và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay đến ngày thực trả tất nợ cho Ngân hàng T.

Đối với Hợp đồng cho vay số 16763/2019-HĐCV/NHCT822 ngày 06/3/2023 là: Nợ gốc: 278.200.000 đồng; nợ lãi quá hạn: 47.281.293 đồng; nợ lãi phạt quá hạn: 4.079.333 đồng. Tổng gốc và lãi còn nợ là: 329.560.626 đồng và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay đến ngày thực trả tất nợ cho Ngân hàng T.

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi còn nợ của 02 hợp đồng nêu trên là: 750.638.277 đồng và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong 02 hợp đồng cho vay đến ngày thực trả tất nợ cho Ngân hàng T.

Nay Ngân hàng T yêu cầu bà Hồ Thị Đ trả dứt nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 06/3/2023: 750.638.277 đồng (trong đó gốc là 636.600.000 đồng và lãi là 114.038.277 đồng) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong 02 hợp đồng cho vay đến ngày trả tất nợ cho Ngân hàng T

Trường hợp bà Hồ Thị Đ không còn khả năng trả nợ, Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên để Ngân hàng thu hồi nợ vay theo đúng quy định của pháp luật theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 60/2019/HĐBĐ/NHCT822 ngày 30/5/2019 và hợp đồng thế chấp xe ô tô số 49/2019/HĐBĐ/NHCT822 ngày 17/5/2019.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Bị đơn bà Hồ Thị Đ đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện C, nên bà Đ đã biết được yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T, nhưng bà Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu của Ngân hàng T.

Tòa án nhân dân huyện C đã ban hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập bà

Hồ Thị Đ tham gia phiên họp hai lần họp lệ, nhưng bà Đ vắng mặt không có lý do và bà Đ cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng T yêu cầu bà Đ trả số tiền gốc là 636.600.000 đồng, tiền lãi 114.038.277 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 07/3/2023 cho đến ngày bà Đ trả hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp bà Hồ Thị Đ, không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng T – Chi nhánh Sóc Trăng – Phòng Giao dịch T, đề nghị Tòa án phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên để Ngân hàng thu hồi nợ vay theo đúng quy định của pháp luật theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 60/2019/HĐBĐ/NHCT822 ngày 30/5/2019 và hợp đồng thế chấp xe ô tô số 49/2019/HĐBĐ/NHCT822 ngày 17/5/2019 để Ngân hàng thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 19/5/2022 của Ngân hàng T (tổ chức có đăng ký kinh doanh) yêu cầu bị đơn bà Hồ Thị Đ (cá nhân không có đăng ký kinh doanh) trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký và thực hiện, mục đích vay là thanh toán chi phí mua xe ô tô tải để vận chuyển thuê hàng hóa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Điều 471 của Bộ luật Dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[1.3] Bị đơn trong vụ án là bà Hồ Thị Đ đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa, ông Lưu Đức T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số tiền vay gốc trong hợp đồng, Ngân hàng T yêu cầu bà Đ chịu trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền gốc là 636.600.000 đồng, tiền lãi phát sinh đến ngày 06/3/2023 là 114.038.277 và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 07/3/2023 cho đến ngày bà Đ trả hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp bà Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên cho Ngân hàng T thì yêu cầu xử lý phát mãi tài sản mà bà Đ đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên để Ngân hàng thu hồi nợ vay theo đúng quy định của pháp luật theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 60/2019/HĐBĐ/NHCT822 ngày 30/5/2019 và hợp đồng thế chấp xe ô tô số 49/2019/HĐBĐ/NHCT822 ngày 17/5/2019.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án người diện hợp pháp của nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ thể hiện Ngân hàng T có hợp đồng cho bà Hồ Thị Đ vay tiền theo hợp đồng tín dụng số 50297/2019-HĐCV/NHCT822 ngày 30/5/2019, hợp đồng tín dụng số 16763/2019-HĐCV/NHCT822 ngày 17/5/2019 và có việc bà Đ thế chấp tài sản để bảo đảm cho hợp đồng vay theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 60/2019/HĐBĐ/NHCT822 ngày 30/5/2019 và hợp đồng thế chấp xe ô tô số 49/2019/HĐBĐ/NHCT822 ngày 17/5/2019. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện Ngân hàng T không cần phải chứng minh.

[2.3] Về yêu cầu trả nợ vay gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 50297/2019-HĐCV/NHCT822 ngày 30/5/2019, hợp đồng tín dụng số 16763/2019-HĐCV/NHCT822 ngày 17/5/2019 của Ngân hàng T:

Vào ngày 30/5/2019, Ngân hàng T có hợp đồng cho bà Hồ Thị Đ vay số tiền 730.000.000 đồng, mục đích vay để thanh toán chi phí mua xe ô tô tải để vận chuyển thuê hàng hóa, lãi suất vay 10,50%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất vay, phương thức cho vay từng lần; thời hạn cho vay là 60 tháng, trả gốc và lãi hàng tháng vào ngày 05 tây hàng tháng (cụ thể: 59 kỳ đầu trả gốc 12.200.000 đồng, kỳ cuối trả 10.200.000 đồng, ngày trả nợ đầu tiên 05/7/2019, ngày trả nợ cuối cùng 30/5/2024 theo hợp đồng tín dụng số 50297/2019-HĐCV/NHCT822 ngày 30/5/2019 giữa Ngân hàng T với bà Đ. Sau khi hợp đồng đến ngày 18/5/2022 thì bà Đ có trả tiền gốc 371.600.000 đồng và tiền lãi đã trả đến ngày 18/5/2022 là 141.527.785 đồng, từ ngày 18/5/2022 khi đến hạn trả tiền gốc bà Đ không trả theo hợp đồng. Trong hợp đồng tín dụng này bà Đ còn nợ Ngân hàng T số tiền gốc và lãi tính đến ngày 06/3/2023 là 421.077.651 đồng.

Vào ngày 17/5/2019, Ngân hàng T có hợp đồng cho bà Đ vay số tiền 668.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 16763/2019-HĐCV/NHCT822 ngày 17/5/2019, lãi suất 10,5%/năm, lãi suất quá hạn 150%/ lãi suất vay, phương thức cho vay từng lần; thời hạn cho vay là 60 tháng, trả gốc và lãi hàng tháng vào ngày 05 tây hàng tháng (cụ thể: 59 kỳ đầu trả gốc 11.200.000 đồng,

kỳ cuối trả 7.200.000 đồng, ngày trả nợ đầu tiên 05/6/2019, ngày trả nợ cuối cùng 17/5/2024 theo hợp đồng tín dụng số 16763/2019-HĐCV/NHCT822 ngày 17/5/2019 giữa Ngân hàng T với bà Đ. Sau khi hợp đồng đến ngày 18/5/2022 thì bà Đ có trả tiền gốc 389.800.000 đồng và tiền lãi đã trả đến ngày 18/5/2022 là 128.940.018 đồng, từ ngày 18/5/2022 khi đến hạn trả tiền gốc bà Đ không trả theo hợp đồng. Trong hợp đồng tín dụng này bà Đ còn nợ Ngân hàng T số tiền gốc và lãi tính đến ngày 06/3/2023 là 329.560.626 đồng.

Tổng cộng số tiền gốc và lãi của 02 hợp đồng là: Gốc 636.600.000 đồng; nợ lãi 114.038.277 đồng; tổng cộng gốc và lãi là 750.638.277 đồng.

Về nội dung và hình thức của hợp đồng: Bà Đ trực tiếp ký hợp đồng tín dụng số 50297/2019-HĐCV/NHCT822 ngày 30/5/2019, hợp đồng tín dụng số 16763/2019-HĐCV/NHCT822 ngày 17/5/2019, 02 hợp đồng này xác lập trên cơ sở tự nguyện, về hình thức giao kết tại thời điểm xác lập phù hợp theo quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 398, Điều 401, Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng Ngân hàng T đã giải ngân cho bà Đ nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng, cho nên có đủ căn cứ xác định hợp đồng tín dụng này có giá trị pháp lý và có hiệu lực đối với các bên tham gia ký.

Về mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng; Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Xét về lỗi: Bà Đ thực hiện không đúng nghĩa vụ theo giao kết của hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, vì vậy bà Đ là bên có lỗi và là bên vi phạm hợp đồng, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết của hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ông T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bà Đ chịu trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền gốc là 636.600.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 06/3/2023 là 114.038.277 đồng, tổng cộng là 750.638.277 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến ngày bà Đ trả hết nợ cho Ngân hàng.

[2.4] Về yêu cầu xử lý phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 60/2019/HĐBĐ/NHCT822 ngày 30/5/2019 và hợp đồng thế chấp xe ô tô số 49/2019/HĐBĐ/NHCT822 ngày 17/5/2019 của Ngân hàng T:

Bà Hồ Thị Đ thế chấp cho Ngân hàng T theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 60/2019/HĐBĐ/NHCT822 ngày 30/5/2019 và hợp đồng thế chấp xe ô tô số 49/2019/HĐBĐ/NHCT822 ngày 17/5/2019 giữa Ngân hàng T – Chi nhánh Sóc Trăng – Phòng Giao dịch T với bà Hồ Thị Đ.

Xét thấy: Bà Đ trực tiếp ký 02 (hai) hợp đồng thế chấp ô tô, các hợp đồng này xác lập trên cơ sở tự nguyện, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp theo quy định tại Điều 317, Điều 318, Điều 319 của Bộ luật Dân sự, nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực đối với các bên tham gia ký. Theo thỏa thuận của các bên trong trường hợp dẫn đến phải xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ thì toàn bộ số tiền thu được bà Đ đồng ý thanh toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ còn lại cho Ngân hàng T. Nghĩa vụ trả nợ còn lại của bà Đ bao gồm tất cả các nghĩa vụ trả nợ phát sinh theo các hợp đồng tín dụng, văn bản thỏa thuận, cam kết khác có liên quan mà bà Đ đã và sẽ ký kết với Ngân hàng T. Vì vậy, việc Ngân hàng T yêu cầu phát mại tài sản thế chấp khi bà Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 103, Điều 299, Điều 320, Điều 322 và Điều 323 của Bộ luật Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Hồ Thị Đ phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 700.000 đồng, số tiền này Ngân hàng T đã nộp tạm ứng theo phiếu thu số T01 ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự buộc bà Đ phải chịu trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng T số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 700.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc bà Hồ Thị Đ phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; Ngân hàng T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 103, Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 323, Điều 357, Điều 398, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự

2015; Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T về việc yêu cầu bà Hồ Thị Đ có trách nhiệm hoàn trả số tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho Ngân hàng T.

Buộc bà Hồ Thị Đ chịu trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng T tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 06/3/2023 là 750.638.277 đồng (*bảy trăm năm mươi triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi bảy đồng*).

Kể từ ngày 07/3/2023 bà Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng T thì lãi suất mà bà Đ phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng T cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng T.

2. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng T về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng T có đơn yêu cầu thi hành án thì bà Hồ Thị Đ phải tự nguyện trả số tiền nêu trên; nếu bà Đ không tự nguyện trả nợ thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 60/2019/HĐBĐ/NHCT822 ngày 30/5/2019 và hợp đồng thế chấp xe ô tô số 49/2019/HĐBĐ/NHCT822 ngày 17/5/2019 giữa Ngân hàng T – Chi nhánh Sóc Trăng – Phòng Giao dịch T với bà Hồ Thị Đ để Ngân hàng thu hồi nợ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: buộc bà Hồ Thị Đ phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 700.000 đồng (*bảy trăm nghìn đồng*), số tiền này Ngân hàng T đã nộp tạm ứng theo phiếu thu số T01 ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, buộc bà Đ phải chịu trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng T số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 700.000 đồng (*bảy trăm nghìn đồng*).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Thị Đ phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 34.025.500 đồng (*ba mươi bốn triệu không trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm đồng*); Ngân hàng T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.687.000 đồng (*mười lăm triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001885 ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn bà Hồ Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Chí Hường